BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kế toán

(Ban hành theo Quyết định số:2261/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

NGÀNH: KẾ TOÁN

MÃ NGÀNH : 7340301

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **KẾ TOÁN**
- Tên tiếng Anh: **ACCOUNTING**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Kế toán
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Accounting

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân ngành kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kế toán; có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị quản lý công, tổ chức tài chính; có khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp, có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh;

PO2: Đào tạo người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực kế toán, có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính.

PO3: Đào tạo người học có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các

yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;

PO4: Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán, kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế;

PO5: Có năng lực học tập, nghiên cứu, tự học, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi;

PO6: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực hành nghề nghiệp và giải quyết các phát sinh liên quan đến chuyên môn đào tạo.

PO7: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, luôn tự tin khi tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc sao cho phù hợp với môi trường làm việc thực tế của nghề nghiệp, sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ cho nhu cầu của công việc kế toán.

PO8: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của nghề và đầy đủ sức khỏe để làm việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến các hoạt động thuộc chuyên môn, có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể.

PO9: Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số: 2246/QĐ-ĐHLĐXH ngày 11/8/2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Kế toán trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**	**29**	**24.0**
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**	**27**	**22.3**
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp**	**31**	**25.6**

	và công cụ		
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**	**24**	**19.8**
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5.8
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9.1
1.4.3	Pháp luật	2	1.7
1.4.4	Tin học	4	3.3
1.5	**Kiến thức khác ngành**	**2**	**1.7**
1.6	**Kiến thức đại cương khác**	**8**	**6.6**
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6.6
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
	Tổng cộng:	**121**	**100%**

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				**29**						
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**			***25***						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.1.1.7	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	Business Statistics	3	3				NLTK1322H	
1.1.1.8	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.1.1.9	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.1.1.10	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Financial Management in Public Sector	3	3				TCTT0122H NLK10122H	
1.1.2	**Các học phần tự chọn (chọn 2/4)**			***4***						
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H VĩMO0523H TCB21222H TCC21122L	

									XSTK1123L	
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	2					
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.2.4	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk Management	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				**27**						
1.2.1	**Các học phần bắt buộc**			***25***						
1.2.1.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.2.1.2	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	Accounting Principles 2	2	2				NLK10122H	
1.2.1.3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3				NLK10122H	
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	3				KTC10123H	
1.2.1.5	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Accounting in Public Sector 1	3	3				NLK10122H	
1.2.1.6	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Accounting in Public Sector 2	3	3				KTH10123H	
1.2.1.7	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	Principles of auditing	3	3				KTC20123H	
1.2.1.8	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	3				TCDN0123H KTC20123H	
1.2.1.9	KTTE0123H	Kế toán thuế	Tax Accounting	3	3				KTC20123H NLK20122H	
1.2.2	***Các học phần tự chọn (chọn 1/2)***			***2***						
1.2.2.1	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	*2*	*2*					
1.2.2.2	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	E-commerce	*2*	*2*				TCB21222H	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				**31**						
1.3.1	**Các học phần bắt buộc**			***17***						
1.3.1.1	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	Accounting structure	3	3				KTC20123H	
1.3.1.2	KTQT0123H	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3				NLK10122H	

1.3.1.3	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	International Accounting	3	3				NLK10122H	
1.3.1.4	KTMA0123H	Kế toán máy	Computerizied Accounting	3	3				KTC20123H	
1.3.1.5	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems	3	3				KTC20123H	
1.3.1.6	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	Internal control	2	2				KTC20123H	
1.3.2	**Học phần tự chọn (chọn 2/8)**			***4***						
1.3.2.1	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	Accounting for Joint stock companies	*2*	*2*				KTC20123H	
1.3.2.2	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	Accounting for Construction enterprises	*2*	*2*				KTC20123H	
1.3.2.3	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	Accounting for Trading and Service enterprises	*2*	*2*				KTC20123H	
1.3.2.4	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	Budget Accounting	*2*	*2*				KTH20123H	
1.3.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	Stock Market	*2*	*2*				ViMO0523H VĩMO0523H	
1.3.2.6	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	Business combinations accounting	*2*	*2*				KTC20123H	
1.3.2.7	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	Credit and Settlement	*2*	*2*					
1.3.3	**TTCK0524T**	**Thực tập cuối khóa**	Final Internship	***4***				4	KTC20123H KTH20123H KTQT0123H	
1.3.4	**Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)**			***6***						
1.3.4.1	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	Management Control Systems	3	3				KTQT0123H	

1.3.4.2	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	Audit of financial statements	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6		KTC20123H KTH20123H KTQT0123H	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				**24**						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				***7***						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				***11***						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				***2***						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				***4***						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				**2**						

1.5.1	**Học phần tự chọn (chọn 1/4)**			***2***						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General psychology	2	2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				**8**						
1.6.1 Ngoại ngữ				***8***						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	English for Accounting	3	3					
1.6.2. Giáo dục thể chất				**3**						
	Các học phần bắt buộc									
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1		1				
	Các học phần tự chọn (chọn 2/6)									
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1		1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1		1				
1.6.2.4	BORl1421T	Bóng rổ 1	Basket ball 1	1		1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basket ball 2	1		1				
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1		1				
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1		1				
	Các học phần dành cho sinh viên có vấn đề về sức khỏe									
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				

1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	Quân sự chung	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				**121**						

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**	**29**								
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**	***25***								
1	Kinh tế vi mô	3	3							
2	Kinh tế vĩ mô	3		3						
3	Nguyên lý thống kê	2			2					
4	Luật kinh tế	2		2						
5	Marketing căn bản	2			2					
6	Tài chính - Tiền tệ	2			2					
7	Thống kê doanh nghiệp	3					3			
8	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2							2	
9	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3				3				
10	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	3					3			
1.1.2	***Các học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)***	**4**								
11	Kinh tế lượng	2				4				
12	Văn hóa doanh nghiệp	2								
13	Kỹ năng giao tiếp	2								
14	Quản trị rủi ro	2								
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**	**27**								
1.2.1	**Các học phần bắt buộc**	**25**								
15	Nguyên lý kế toán 1	2			2					
16	Nguyên lý kế toán 2	2				2				
17	Kế toán tài chính 1	3				3				
18	Kế toán tài chính 2	3					3			
19	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3					3			
20	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3						3		

21	Kiểm toán căn bản	3						3		
22	Phân tích báo cáo tài chính	3							3	
23	Kế toán thuế	3						3		
1.2.2	**Các học phần tự chọn (chọn 1/2)**	**2**								
24	Nguyên lý tiền lương	*2*							2	
25	Thương mại điện tử	*2*								
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**	**31**								
1.3.1	**Các học phần bắt buộc**	**17**								
26	Tổ chức kế toán	3						3		
27	Kế toán quản trị	3					3			
28	Kế toán quốc tế	3						3		
29	Kế toán máy	3							3	
30	Hệ thống thông tin kế toán	3						3		
31	Kiểm soát nội bộ	2							2	
1.3.2	**Học phần tự chọn (chọn 2/8)**	**4**								
32	Kế toán công ty cổ phần	2							4	
33	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2								
34	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	2								
35	Kế toán ngân sách	2								
36	Thị trường chứng khoán	2								
37	Kế toán hợp nhất kinh doanh	2								
38	Tín dụng và thanh toán	2								
1.3.3	***Thực tập cuối khóa***									
39	Thực tập cuối khóa	**4**								4
1.3.4	**Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)**	**6**								6
40	Khóa luận tốt nghiệp	**6**								6
41	Hệ thống kiểm soát quản trị	3								3
42	Kiểm toán báo cáo tài chính	3								3

1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**	**24**								
1.4.1	**Khoa học tự nhiên**	**7**								
43	Toán cao cấp 1	2	2							
44	Toán cao cấp 2	2		2						
45	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3					
1.4.2	**Khoa học chính trị**	**11**								
46	Triết học Mác - Lênin	3		3						
47	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
48	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
49	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2							
50	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				2				
1.4.3	**Pháp luật**	**2**								
51	Pháp luật đại cương	2	2							
1.4.4	**Tin học**	**4**								
52	Tin học cơ bản 1	2	2							
53	Tin học cơ bản 2	2		2						
1.5	**Kiến thức khác ngành**	**2**								
1.5.1	**Học phần tự chọn (chọn 1/4)**									
54	Soạn thảo văn bản	2			2					
55	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2								
56	Logic học	2								
57	Tâm lý học đại cương	2								
1.6	**Kiến thức đại cương khác**	**8**								
1.6.1	**Ngoại ngữ**	**8**								
58	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
59	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
60	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3				3				
1.6.2	**Giáo dục thể chất**									
61	Thể dục - Điền kinh	1								
62	Bóng chuyền 1	1								
63	Bóng chuyền 2	1								

64	Bóng rổ 1	1								
65	Bóng rổ 2	1								
66	Cầu lông 1	1								
67	Cầu lông 2	1								
68	Cờ vua 1	1								
69	Cờ vua 2	1								
70	Cờ vua 3	1								
1.6.3	**Giáo dục quốc phòng** (165 tiết)									
71	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	3								
72	Công tác quốc phòng và an ninh	2								
73	Quân sự chung	1								
74	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2								
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	**121**	**15**	**15**	**15**	**17**	**15**	**18**	**16**	**10**

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường.

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại…

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Marketing căn bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức học phần sinh viên có thể phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp (Marketing - mix): Chính sách sản phẩm (Product), Chính sách giá (Price), Chính sách phân phối (Place) và Chính sách Xúc tiến hỗn hợp (Promotion).

6. Tài chính - tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại

7. Thống kê doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp; Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Thống kê lao động, năng suất lao động và thu nhập lao động; Thống kê Tài sản trong doanh nghiệp; Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Thống kê hoạt động tài chính trong doanh nghiệp; Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Khái quát về bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

9. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

10. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tổng quan về tài chính công và tài chính của đơn vị hành chính - sự nghiệp; Lập dự toán trong đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quản trị tài chính trong các đon vị hành chính - sự nghiệp; Quyết toán nguồn kinh phí NSNN.

11. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế

12. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp, các biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong kinh doanh, đạo đức kinh doanh, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

13. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng nền tảng về giao tiếp để các em hiểu và bước đầu áp dụng những kỹ năng đó vào hoạt động giao tiếp hàng ngày một cách hiệu quả. Đó là các kiến thức và các hướng dẫn thực hiện về tự nhìn nhận đánh giá bản thân, nhìn nhận những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, các cơ chế ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp và đặc biệt là một số kỹ năng giao tiếp để hoạt động giao tiếp trong cuộc sống cũng như trong công việc của các em sinh viên đạt hiệu quả

14. Quản trị rủi ro

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát về rủi ro và một số khái niệm có liên quan; quy trình quản trị rủi ro và các bước cần làm cho quy trình đó; các biện pháp để nhận

dạng và đo lường rủi ro; các phương pháp phân tích tổn thất tiềm năng về tài sản, con người và trách nhiệm dân sự; các biện pháp để đối phó với rủi ro bao gồm kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro

15. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Bước đầu nghiên cứu kế toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

16. Nguyên lý kế toán 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và việc vận dụng các nguyên tắc này; Các kiến thức về tính giá và đo lường công nợ, các nguyên tắc trong hạch toán hàng tồn kho, nợ ngắn hạn và tài sản dài hạn

17. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

18. Kế toán tài chính 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán phân phối lợi nhuận; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.

19. Kế toán hành chính sự nghiệp 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp: tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp, nhiệm vụ và nội dung của kế toán, các quy định về chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và hình thức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định; kế toán

thanh toán, kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng kho bạc.

20. Kế toán hành chính sự nghiệp 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động; Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động; Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán; Kế toán ngành Lao động Thương binh xã hội, kế toán bảo hiểm xã hội.

21. Kiểm toán căn bản

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán,những hướng dẫn cụ thể quy trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại đơn vị được kiểm toán.

22. Phân tích báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời.

23. Kế toán thuế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán thuế: vai trò và nhiệm vụ của kế toán thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, kế toán thuế xuất nhập khẩu, kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán thuế giá trị gia tăng, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thu nhập cá nhân và các sắc thuế khác.

24. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần nguyên lý tiền lương trang bị những kiến thức cơ bản về tiền lương, tiền lương tối thiểu, lương cơ bản, phụ cấp lương, và các hình thức trả lương.

25. Thương mại điện tử

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Thương mại điện tử. Học phần này bao gồm các nội dung như: khái niệm, vai trò và lịch sử phát triển của TMĐT, các cơ sở hạ tầng thiết yếu của TMĐT, các phương thức kinh doanh TMĐT, giao dịch điện tử, marketing điện tử; các vấn đề an ninh và phòng tránh rủi ro trong TMĐT. Phương pháp học tập, nghiên cứu chủ yếu của môn học này là phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp toán, phương pháp nghiên cứu, thảo luận và giải quyết các tình huống.

26. Tổ chức kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Khái quát chung về tổ chức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán; Lựa chọn hình thức sổ kế toán; Tổ chức kế toán TSCĐ; Tổ chức kế toán hàng tồn kho; Tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động; Tổ chức kế toán quá trình sản xuất; Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt; Tổ chức các hoạt động kế toán khác trong doanh nghiệp.

27. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

28. Kế toán quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về một chu trình kế toán hoàn thiện trong doanh nghiệp theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, từ chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán đến báo cáo kế toán; Học phần tập trung chủ yếu vào báo cáo tài chính, các phần hành kế toán hàng tồn kho, tài sản dài hạn, doanh thu, tiền, phải thu, phải trả.

29. Kế toán máy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phần mềm kế toán; Khai báo các tham số và số dư đầu kỳ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán hàng tồn kho, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Kế toán tiền lương, tài sản cố định, giá thành; Kế toán tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh.

30. Hệ thống thông tin kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Xử lý các giao dịch và các công cụ mô tả hệ thống; Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ; Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh chủ yếu; Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

31. Kiểm soát nội bộ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm soát nội

bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp.

32. Kế toán công ty cổ phần

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kế toán công ty cổ phần: Kế toán thành lập công ty cổ phần; Kế toán biến động vốn trong công ty cổ phần; Kế toán chia cổ tức trong công ty cổ phần; Kế toán giải thể và tổ chức lại công ty cổ phần

33. Kế toán doanh nghiệp xây lắp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp xây lắp: đặc điểm hoạt động và doanh nghiệp xây lắp, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong doanh nghiệp xây lắp, nội dung, yêu cầu nhiệm vụ của kế toán, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.

34. Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp, tính giá hàng hóa nhập xuất kho, phương pháp kế toán mua hàng, bán hàng trong các doanh nghiệp thương mại nội địa; phương pháp kế toán xuất nhập khẩu trực tiếp, ủy thác; kế toán tập hợp chi phí, doanh thu, xác định kết quả trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ.

35. Kế toán ngân sách

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách, gắn với đặc điểm hoạt động: vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán ngân sách; kế toán dự toán, kế toán thu ngân sách và ghi thu ghi chi, kế toán chi ngân sách và cân đối thu chi; kế toán các nghiệp vụ khác, báo cáo tài chính.

36. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

37. Kế toán hợp nhất kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tập đoàn kinh tế như lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm và các loại tập đoàn kinh tế, kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất (khái niệm, nội dung, ý nghĩa, nguyên tắc và trình tự lập báo cáo tài chính hợp nhất). Kiến thức cơ bản về hợp nhất kinh doanh như phương pháp kế toán hợp nhất kinh doanh, quy trình hợp nhất kinh doanh theo các chuẩn mực Việt Nam và quốc tế.

38. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này đề cập đầy đủ về quy trình cấp tín dụng cho khách hàng, nghiệp vụ bảo đảm tín dụng và nội dung phân tích tín dụng; quy trình thanh toán các phương tiện, phương thức thanh toán trong nước và quốc tế.

39. Thực tập cuối khóa:

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này giúp người học tham gia vào hoạt động thực tế của ngành Kế toán nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học để mô tả hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập dưới hình thức Báo cáo thực tập cuối khóa.

40. Khóa luận tốt nghiệp:

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Kế toán. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

41. Hệ thống kiểm soát quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá…

42. Kiểm toán báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí.

43. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n;

44. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co dãn; Hệ số thay thế.

45. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về học phần lý thuyết xác suất thống kê nhằm rèn luyện cho người học khả năng tư duy logic, khả năng phân tích, khả năng tính toán định lượng cũng như trang bị cho người học các công cụ, các kỹ năng tính toán phục vụ cho việc học các học phần cơ sở, chuyên ngành.

46. Triết học Mác – Lênin

Số tín chỉ: 03

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

47. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Số tín chỉ: 02

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6

trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

48. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niêm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

49. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

50. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02

Nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

51. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

52. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

53. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

54. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng; Những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; Khái niệm, đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt và một số loại văn bản hành chính thông thường.

55. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 8 chương, trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

56. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần Lôgíc học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của Trường đại học Lao động - Xã hội gồm 06 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Lôgíc học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của Lôgíc học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Lôgíc hình thức, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên

thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

57. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

58. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

59. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

60. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ tiếng Anh trong ngành Kế toán như: lĩnh vực kế toán, các nguyên lý kế toán, sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính, tài khoản ngân hàng, kiểm toán …..

61. Thể dục điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác.
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

62. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

63. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền2, Kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tại, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

67. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như:Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu,Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

68. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

- Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua .
- Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên trên thế giới và Việt Nam
- Xu hướng phát triển , tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu .
- Một số điều luật trong cờ vua.

69. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

- Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1
- Giai đoạn khai cuộc của ván đấu .

- Một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

- Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1
- Giai đoạn trung cuộc của ván đấu .
- Một số điều luật trong cờ vua.

71. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng,an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

72. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

73. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

74. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực

hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày tháng năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: **KINH TẾ VI MÔ** Tên tiếng Anh: **MICROECONOMICS**
2. Mã học phần	ViMO0523H
3. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
4. Số tín chỉ	03 (03,0)
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	**Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) TLM1:** Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. **Thuyết giảng (Lecture) - TLM2:** Giảng viên trình bầy nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. **Học theo tình huống** (Case Study) – **TLM9**: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. **Học nhóm** (Teamwork Learning) – **TLM10**: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bầy kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. **Bài tập về nhà (Work Assignment) – TLM15**: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các

	nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Quản trị kinh doanh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	**Mô tả mục tiêu**	**CĐR của CTĐT (PLOs)**	**TĐNL**
G1	+ Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô.	**PLO1, PLO2**	**3/6**
G2	+ Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ.	**PLO1, PLO2**	**4/6**
G3	+ Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau.	**PLO5**	**4/6**
G4	+ Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày.	**PLO6**	**4/5**
G5	+ Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế;	**PLO9**	**4/5**

	có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.		

9. **Chuẩn đầu ra của học phần**

CĐR (CLOs)	**Mô tả chuẩn đầu ra**	**Mức độ giảng dạy (I, T, U)**
CLO1	Sinh viên nhớ được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô.	I
CLO2	Sinh viên hiểu được cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ.	T
CLO3	Sinh viên có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế vi mô để phân tích/giải thích hoặc đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong tiêu dùng, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp.	T,U
CLO4	Sinh viên có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày.	I,T,U
CLO5	Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia	I

	đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CĐR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (CLOs)	Bài đánh giá (AMs)
1-3 **(3 giờ TC)**	**CHƯƠNG I**. KINH TẾ VI MÔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NỀN KINH TẾ			
	1.1. Tổng quan về kinh tế học 1.1.1 Khái niệm về kinh tế học 1.1.2 Các bộ phận của kinh tế học	**CLO1** **CLO2**	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích cụ thể Học: Nghe giảng/ Ghi chú	AM1 AM2
	1.2 Nền kinh tế 1.2.1 Những vấn đề kinh tế cơ bản 1.2.2 Các thành viên tham gia vào nền kinh tế 1.2.3 Mô hình nền kinh tế	**CLO1** **CLO2**		AM1 AM2
	1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế 1.3.1 Chi phí cơ hội 1.3.2 Quy luật chi phí cơ hội tăng dần và đường	**CLO1** **CLO2** **CLO4**		AM1 AM2

	giới hạn khả năng sản xuất 1.3.3 Quy luật khan hiếm và hiệu quả kinh tế 1.3.4 Phân tích cận biên **1.4 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô**			
4-13 **(10 giờ TC)**	**CHƯƠNG II**. LÝ THUYẾT CUNG, CẦU VỀ HÀNG HÓA – DỊCH VỤ			
	2.1 Cầu về hàng hóa – dịch vụ 2.1.1 Các khái niệm 2.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cầu và lượng cầu hàng hóa – dịch vụ 2.1.3 Hàm số cầu 2.1.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cầu	**CLO1** **CLO2** **CLO3**	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Học theo tình huống Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	2.2 Cung về hàng hóa – dịch vụ 2.2.1 Các khái niệm 2.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cung và lượng cung hàng hóa – dịch vụ 2.2.3 Hàm số cung 2.2.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cung	**CLO1** **CLO2** **CLO3**	Học: Đọc trước tài liệu (TLM1); Làm bài tập (TLM2) Lắng nghe/ghi chú/trao đổi nhóm/trình bày phân tích	AM1 AM2
	2.3 Cân bằng cung cầu về hàng hóa – dịch vụ 2.3.1 Trạng thái cân bằng cung – cầu về hàng hóa dịch vụ 2.3.2 Trạng thái dư thừa	**CLO1** **CLO2** **CLO3** **CLO4**		AM1 AM2

	và thiết hụt của thị trường 2.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng 2.3.4 Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất		tình huống	
	2.4 Ảnh hưởng của chính sách giá và thuế đến thị trường	**CLO1** **CLO2** **CLO3**		AM1 AM2
14-18 **(5 giờ TC)**	**CHƯƠNG III**. ĐỘ CO GIÃN			
	3.1 Khái niệm, công thức xác định độ co giãn 3.1.1 Khái niệm độ co giãn 3.1.2 Công thức xác định độ co giãn	**CLO1** **CLO2**	Dạy: Giải thích cụ thể Học nhóm Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	3.2 Độ co giãn của cầu 3.2.1 Độ co giãn của cầu theo giá 3.2.2 Độ co giãn chéo của cầu theo giá cả hàng hóa liên quan 3.2.3 Độ co giãn của cầu theo thu nhập	**CLO1** **CLO2** **CLO3**	Học: Đọc trước tài liệu (TLM1); Làm bài tập (TLM2) Lắng nghe/ghi chú/trao đổi nhóm/làm bài tập	AM1 AM2
19-26 **(8 giờ TC)**	**CHƯƠNG IV**. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG			
	4.1 Lý thuyết lợi ích **4.2 Lựa chọn tiêu dùng tối ưu** 4.2.1 Đường bàng quan và đường ngân sách	**CLO1** **CLO2**	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Bài tập ở nhà	AM1 AM2

	4.2.2 Tối đa hóa lợi ích tiêu dùng			
	4.3 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng 4.3.1 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi trong thu nhập 4.3.2 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi giá cả hàng hóa	**CLO1** **CLO2** **CLO3**	Học: Đọc trước tài liệu (TLM1); Làm bài tập (TLM2) Lắng nghe/ghi chú/làm bài tập	AM1 AM2
27-35 **(9 giờ TC)**	**CHƯƠNG V**. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI SẢN XUẤT			
	5.1 Lý thuyết sản xuất 5.1.1 Các khái niệm cơ bản 5.1.2 Hàm sản xuất 5.1.3 Sản xuất trong ngắn hạn 5.1.4 Sản xuất trong dài hạn: đường đồng lượng và bài toán sản xuất	**CLO1** **CLO2**	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	5.2 Lý thuyết chi phí 5.2.1 Một số khái niệm cơ bản 5.2.2 Chi phí sản xuất trong ngắn hạn 5.2.3 Chi phí sản xuất trong dài hạn (đường đồng phí)	**CLO1** **CLO2**	Học: Đọc trước tài liệu (TLM1); Làm bài tập (TLM2) Lắng nghe/ghi chú/làm bài tập	AM1 AM2
	5.3 Lý thuyết doanh thu và lợi nhuận	**CLO1** **CLO2**		AM1 AM2

	5.3.1 Lý thuyết doanh thu 5.3.2 Lý thuyết lợi nhuận trong ngắn hạn	**CLO3**		
36 **(1 giờ TC)**	**Bài kiểm tra quá trình**	**CLO1** **CLO2** **CLO3** **CLO4** **CLO5**		AM4 AM5
37-45 **(9 giờ TC)**	**CHƯƠNG VI**. CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG			
	6.1 Thị trường và phân loại thị trường 6.1.1 Khái niệm thị trường 6.1.2 Phân loại thị trường	**CLO1** **CLO2**	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Học theo tình huống Hướng dẫn Bài tập ở nhà Học: Đọc trước tài liệu (TLM1); Làm bài tập (TLM2) Lắng nghe/ghi chú/trao đổi nhóm/trình bày phân tích tình huống	AM1 AM2
	6.2 Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.1 Khái niệm và đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.2 Quyết định sản xuất của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn	**CLO1** **CLO2** **CLO3** **CLO4**		AM1 AM2
	6.3 Độc quyền thuần túy 6.3.1 Khái niệm và nguyên nhân dẫn đến độc quyền 6.3.2 Quyết định của hãng độc quyền trong ngắn hạn	**CLO1** **CLO2** **CLO3** **CLO4**		AM1 AM2
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương	**Điểm thành phần**	**Bài đánh**	**CĐR môn**	**Tỷ lệ**

pháp đánh giá	**(trọng số)**	**giá**	**học**	
	A1. Điểm quá trình (20%)	**AM1**	CLO1, CLO2	10%
		AM2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	**AM4 AM5**	CLO3, CLO4, CLO5	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	**AM4**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	**Tài liệu/giáo trình chính**	[1] **Doãn Thị Mai Hương, Lương Xuân Dương** (2020). *Giáo trình Kinh tế vi mô*. NXB Lao động - Xã hội. [2] **Lương Xuân Dương** (2012). *Bài tập Kinh tế vi mô*. NXB Lao động – Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3] **Vũ Kim Dũng** (2009). *Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô.* NXB Lao động – xã hội.		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	**Nội dung**	**Số giờ TC**	**Nhiệm vụ của sinh viên**	
	CHƯƠNG I: KINH TẾ VI MÔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NỀN KINH TẾ **1.1. Tổng quan về kinh tế học** 1.1.1 Khái niệm về kinh tế học 1.1.2 Các bộ phận của kinh tế học	6	Đọc trước nội dung Chương I (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3])	

	1.2 Nền kinh tế 1.2.1 Những vấn đề kinh tế cơ bản 1.2.2 Các thành viên tham gia vào nền kinh tế 1.2.3 Mô hình nền kinh tế **1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế** 1.3.1 Chi phí cơ hội 1.3.2 Quy luật chi phí cơ hội tăng dần và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.3.3 Quy luật khan hiếm và hiệu quả kinh tế 1.3.4 Phân tích cận biên **1.4 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô**		
	CHƯƠNG II. LÝ THUYẾT CUNG, CẦU VỀ HÀNG HÓA – DỊCH VỤ **2.1 Cầu về hàng hóa – dịch vụ** 2.1.1 Các khái niệm 2.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cầu và lượng cầu hàng hóa – dịch vụ 2.1.3 Hàm số cầu 2.1.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cầu **2.2 Cung về hàng hóa – dịch vụ** 2.2.1 Các khái niệm	20	Đọc trước nội dung Chương II (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương I (tài liệu số [2])

	2.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cung và lượng cung hàng hóa – dịch vụ 2.2.3 Hàm số cung 2.2.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cung **2.3 Cân bằng cung cầu về hàng hóa – dịch vụ** 2.3.1 Trạng thái cân bằng cung – cầu về hàng hóa dịch vụ 2.3.2 Trạng thái dư thừa và thiết hụt của thị trường 2.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng 2.3.4 Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất **2.4 Ảnh hưởng của chính sách giá và thuế đến thị trường**		
	CHƯƠNG III. ĐỘ CO GIÃN **3.1 Khái niệm, công thức xác định độ co giãn** 3.1.1 Khái niệm độ co giãn 3.1.2 Công thức xác định độ co giãn **3.2 Độ co giãn của cầu** 3.2.1 Độ co giãn của cầu theo giá 3.2.2 Độ co giãn chéo của cầu theo giá cả hàng hóa liên quan	10	Đọc trước nội dung Chương III (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương II (tài liệu số [2])

	3.2.3 Độ co giãn của cầu theo thu nhập		
	CHƯƠNG IV. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG **4.1 Lý thuyết lợi ích** 4.2 Lựa chọn tiêu dùng tối ưu 4.2.1 Đường bàng quan và đường ngân sách 4.2.2 Tối đa hóa lợi ích tiêu dùng **4.3 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng** 4.3.1 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi trong thu nhập 4.3.2 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi giá cả hàng hóa	16	Đọc trước nội dung Chương IV (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương III (tài liệu số [2])
	CHƯƠNG V. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI SẢN XUẤT **5.1 Lý thuyết sản xuất** 5.1.1 Các khái niệm cơ bản 5.1.2 Hàm sản xuất 5.1.3 Sản xuất trong ngắn hạn 5.1.4 Sản xuất trong dài hạn: đường đồng lượng và bài toán sản xuất **5.2 Lý thuyết chi phí**	18	Đọc trước nội dung Chương V (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương IV (tài liệu số [2])

	5.2.1 Một số khái niệm cơ bản 5.2.2 Chi phí sản xuất trong ngắn hạn 5.2.3 Chi phí sản xuất trong dài hạn (đường đồng phí) **5.3 Lý thuyết doanh thu và lợi nhuận** 5.3.1 Lý thuyết doanh thu 5.3.2 Lý thuyết lợi nhuận trong ngắn hạn		
	CHƯƠNG VI. CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG **6.1 Thị trường và phân loại thị trường** 6.1.1 Khái niệm thị trường 6.1.2 Phân loại thị trường **6.2 Thị trường cạnh tranh hoàn hảo** 6.2.1 Khái niệm và đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.2 Quyết định sản xuất của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn **6.3 Độc quyền thuần túy** 6.3.1 Khái niệm và nguyên nhân dẫn đến độc quyền 6.3.2 Quyết định của hãng độc quyền trong	20	Đọc trước nội dung Chương VI (tài liệu số [1]) Làm bài tập Chương V (tài liệu số [2])

	ngắn hạn		
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	**Họ và tên**	**Học hàm, học vị**	**Chuyên môn**
	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiến sĩ	Kinh tế
	Tăng Anh Cường	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Triệu Linh Giang	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Đào Thị Thu Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế phát triển
	Bùi Thị Hồng Nhung	Thạc sỹ	Quản trị nhân lực
	Trần Thị Kim Nhung	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Thị Phương Lan	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Đỗ Thị Mỹ Trang	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Hoàng Thanh Tùng	Tiến sĩ	Kinh tế
	Nguyễn Xuân Hướng	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Lương Xuân Dương	Tiến sĩ	Kinh tế
	Doãn Thị Mai Hương	Tiến sĩ	Kinh tế
	Vũ Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	Kinh tế
	Đinh Quốc Tuyền	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Bùi Đức Lộc	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Văn Tuyên	Tiến sĩ	Kinh tế
	Hồ Trần Quốc Hải	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Bùi Thị Oanh	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng